

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01- 6 -2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung giữa chị L-anh Q”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Đức Nhân.

Bà Nguyễn Thị Phương.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐHPT-ST ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Luân Thị L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh Q)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Luân Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th vào năm 2007, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã Th. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Năm 2015 mâu thuẫn càng tăng, chị đưa hai con chung vào Đắk Nông sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị xin được ly hôn anh Q.

-Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Việt Q2, sinh ngày 09/7/2008 và Nguyễn Thị Việt H2, sinh ngày 10/8/2010 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q, tại biên bản ghi lời khai do Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với anh Q tại gia đình, về quan hệ hôn nhân anh xác nhận lời khai của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nếu chị L không nhất trí thì anh đề nghị giải quyết việc ly hôn theo nguyện vọng của chị L.

Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung như chị L đã khai, nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị được nuôi con Quang, để chị L nuôi con Hà, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh Q khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh Q biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh Q cố tình vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh Q. Về con chung: Xử giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Th, huyện Q, tỉnh Thái

Bình, vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Luân Thị L và anh Nguyễn Văn Q được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Q vào ngày 25/7/2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh Q đều sinh sống tại xã Th, huyện Q và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Năm 2015 mâu thuẫn càng tăng, chị L đã đưa 02 con chung vào tỉnh Đắk Nông sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh Q. Còn đối với anh Q khi Tòa án tiến hành lấy lời khai tại gia đình, anh có nguyện vọng hòa giải trở về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh Q biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh Q vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy anh Q không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L. Qua xác minh cơ sở thôn Đ và cán bộ tư pháp xã Th đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh Q đã mâu thuẫn và sống ly thân thời gian dài đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh Q là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự về nuôi dưỡng con chung, qua điều tra và xác minh cho thấy hai con chung được chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay,

cơ sở thôn Đ và cán bộ tư pháp xã Th đều có ý kiến đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo đời sống con chung. Thực tế hai con chung đang ổn định học tập và có đơn gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]Về tài sản chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5]Về án phí và lệ phí tòa án: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]Về Q kháng cáo: Chị L và anh Q có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Luân Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2/Về con chung: Xử giao 02 con chung Nguyễn Việt Q2, sinh ngày 09/7/2008 và Nguyễn Thị Việt H2, sinh ngày 10/8/2010 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004298 ngày 12/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q thành tiền án phí.

5/Về Q kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Q.
- Chi cục THADS huyện Q.
- UBND xã Th.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN MINH ĐỨC**